

# Tình Tri Âm Giữa Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương và Nữ Sĩ Ngân Giang

Từ Mai Trần Huy Bích



*vu-hoang-chuong-ngan-giang*

Tháng 7 năm 1954, nước Việt Nam bị chia đôi ở vĩ tuyến 17, nửa phía Bắc dưới sự cai trị của những người Cộng sản. Cuối tháng 8 năm ấy, cùng với gia đình (gồm mẹ, vợ) và gia đình thi sĩ Đinh Hùng (em vợ, đồng thời cũng là bạn thân), nhà thơ Vũ Hoàng Chương lánh vào miền Nam. Ông giải thích lý do ra đi trong bài “Gấm hoa” làm ở Sài Gòn năm 1967, được in ra trong tập *Đời Vắng Em Rồi Say Với Ai* (Sài Gòn: Lửa Thiêng, 1970):

*Anh ra đi, cánh phiêu-hồng trốn tuyết  
Hay cánh thiên-nga trốn vạc dầu sôi?*

Khi phải đi xa như thế, ông nghĩ rất nhiều đến người yêu đầu tiên trong đời nhưng đã “mười năm thôi thế mộng tan tành” từ một ngày 12 tháng 6 hơn 13 năm trước (1941):

*Sông núi đã chia rồi  
Em ở lại sầu gương tủi lược  
Bỏ-hòn kết đắng hoa môi.*

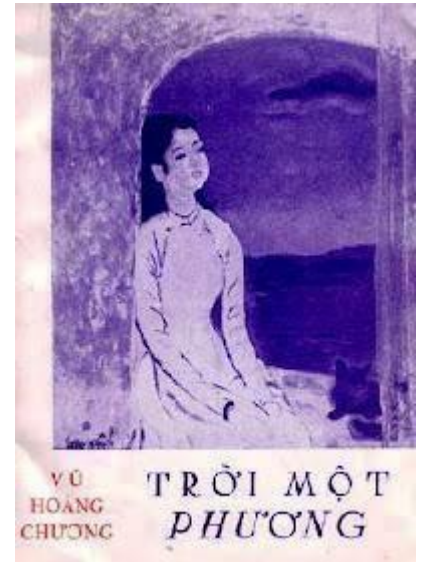
Những năm sau, từ miền Nam ông nhớ người ở lại một cách thiết tha, vô vọng:

*Tiếng kêu ném ngược đường kinh tuyến  
Chỉ thấy vòng quanh trở lại thôi.*

Nhân vật thứ hai ông nghĩ đến là một người bạn thơ. Cuối năm Giáp Ngọ tức đầu năm 1955, nhân các chuyến qua lại giữa hai miền Nam Bắc còn thực hiện được, ông gửi một người quen có việc ra Bắc một bài thơ, nhờ đưa đến một thi sĩ ở lại Hà Nội. Bài thơ này sau được ông cho in vào **thi tập Trời Một Phương** (Sài Gòn, 1962) với nhan đề “Nổi trôi” và có lời như sau:

*Đặt bút cùng ngâm khúc bể dâu  
Nổi trôi từ đây xót cho nhau.  
Một phen nhật nguyệt tranh ngôi Sáng  
Hai ngã lòng thu dựng tháp Sầu.  
Tĩnh cũng hoài thôi, say chẳng nở  
Xuân sang đó nhỉ, mộng về đâu?  
Rằng hư, rằng thực lời tâm huyết  
Non vắn cao hê, nước vắn sâu!*

Tập thơ với bài “**Nổi trôi**,” thi sĩ Vũ Hoàng Chương làm để tặng nữ sĩ Ngân Giang đầu năm 1955. Ý thơ quá kín đáo. Khi in bài ấy trong tập *Trời Một Phương*, thi sĩ Vũ Hoàng Chương không cho biết ông muốn nói điều gì hoặc đã nghĩ đến ai. Mãi 12 năm sau, 1974, trong tập **bút ký Ta Đã Làm Chi Đời Ta** (Sài Gòn : CSXB Trương Vĩnh Ký, 1974), Vũ Hoàng Chương mới giải thích ông làm bài ấy cuối năm Giáp Ngọ 1954 và để gửi nữ sĩ Ngân Giang.



Theo nhà văn Hoàng Quốc Hải trong bài “*Gặp bà Thục Oanh – nhớ thi tài Vũ Hoàng Chương*,” sau ngày 30/4/1975 ông bà Vũ Hoàng Chương rất nghèo. Tuy thế khi ông Vũ Hoàng Địch (em ruột nhà thơ) từ Bắc vào thăm, ông bà vẫn cố gom góp tiền mua mười thước gấm nhờ ông Địch đem về biếu nữ sĩ Ngân Giang, tuy ông bà Chương cũng biết trong cảnh sống cơ cực của nữ sĩ lúc ấy, áo gấm không phải loại y phục thích hợp:

*Mười năm quét lá bên sông  
Hình hài để lại cái còng trên lưng.*

Sau mười năm ngày ngày ra bãi sông Hồng quét lá khô để bán, tối về rửa bát thuê, làm việc quần quật chỉ đủ tiền mua gạo nấu cháo cho mấy mẹ con lay lắt sống qua ngày, vị nữ sĩ thiên tài của nước Việt đã đến tuổi 60, không đủ sức quét lá, rửa bát và chai lọ thuê được nữa. Bà mở một quán nước nghèo nàn bên bờ sông để kiếm sống:

*Một quán bên sông cuối phố nghèo  
Miếng trầu bát nước có bao nhiêu.*



Tuyển tập tản văn của nhà biên khảo Hoàng Quốc Hải, với 1 bài về thi sĩ Vũ Hoàng Chương và 4 bài về nữ sĩ Ngân Giang

Khi kể lại câu chuyện cho nhà văn Hoàng Quốc Hải, nữ sĩ Ngân Giang nói:  
- Ý anh ấy gởi cho tôi mười mét gấm là để tôi may áo. Mà lại là gấm màu nâu nữa. Tôi hiểu như là Vũ quân muốn khuyên tôi hãy dẹp bỏ lòng trần, trở về với Phật. Tôi không thể làm theo ý anh được. Bởi lẽ gạo ăn hàng ngày còn thiếu, sao có thể mặc áo gấm! Con cái còn trông cậy cả nơi mình, làm sao mà rảnh rang miên tục lụy! Thế là tôi đành phải bán mười mét gấm đó, mua được 5 yến gạo, và còn đủ tiền may một bộ quần áo thường. Nói ra điều này, tôi thấy tủi cho mình, và cũng tội cho vong linh của Vũ quân lắm!

Nhà văn Hoàng Quốc Hải nhận xét:

“Trong mỗi giao tình của các bậc văn thi sĩ mà ta quen gọi là ‘lớp tiền chiến’, quả thật có nhiều điều muốn nói. Trước hết là về văn tài của họ. Sau đó là tấm lòng của họ đối với bạn bè và thời thế.” Ông cũng bình luận thêm, “Cái tình nghệ sĩ thương nhau nặng sâu là vậy đó” (1).

Nhà văn Hoàng Quốc Hải nhận xét không sai về giao tình giữa các văn thi sĩ Việt Nam lớp trước. Nhưng tình thân giữa thi sĩ Vũ Hoàng Chương và nữ sĩ Ngân Giang quả có một số điểm đặc biệt hơn mức bình thường. Trong ít trang phía sau, xin được giới thiệu và giải thích một số bài xướng họa, liên ngâm của hai vị, cùng những thơ hai vị làm để đưa tay hoặc gửi cho nhau.



*Nữ sĩ Ngân Giang thời trẻ*  
(Hình do Ts. Nguyễn Phan Cảnh cung cấp)

Tuy hai người trạc tuổi (Vũ Hoàng Chương: 14/5/1915, Ngân Giang: 20/3/1916), nữ sĩ Ngân Giang được giới văn chương, báo chí biết đến trước thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Mãi đến năm 1940, ở tuổi 25, Vũ Hoàng Chương mới có tập thơ đầu tiên (Thơ Say) trong khi Ngân Giang được coi là một “thần đồng.” Hai câu thơ đầu đời xuất hiện năm lên 6 (1922), bài thơ “Vịnh Kiều” được đăng báo năm lên 8 (1924), tuyển tập thơ văn Giọt Lệ Xuân được in năm 16 tuổi (1932). “Trưng nữ vương,” một trong những bài thơ vịnh Bà Trưng hay nhất của nền văn học Việt Nam, xuất hiện năm 1939 khi tác giả mới 23 tuổi. Thơ của Ngân Giang dưới nhiều bút hiệu khác nhau (tên thật **Đỗ Thị Quế**; bút hiệu chính: **Hạnh Liên, Nguyệt Quyên, Đỗ Quế Anh**; bút hiệu phụ: **Lữ Vân, Nàng Lém, Chị Mến, Nàng Không Tên** ...) xuất hiện trên nhiều báo và tạp chí ở Sài Gòn cũng như ở Hà Nội. Từ đầu thập niên 1930, nữ sĩ đã được ca ngợi là một trang nữ lưu “tài sắc vẹn toàn.”

Theo bà Thục Oanh trong một bức thư gửi đi từ Sài Gòn ngày 15/9/1999, bà được bà Vũ Cẩm Liên (chị ruột thi sĩ Vũ Hoàng Chương) cho biết thi nhân họ Vũ bắt đầu làm thơ từ năm 13 tuổi nhưng gia đình không để ý cho lắm. Một bài thơ làm khi cùng thân phụ đi thăm lăng một vị Quận công đã được một vị Cử nhân Hán học nhiệt liệt khen ngợi, nhưng những thơ ấy chỉ được biết đến giữa những người thân. Sau khi tập thơ thứ hai của Vũ Hoàng Chương (Mây) được nhà Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn xuất bản (1943) rồi tập Tiếng Gọi Sông Ngân của Ngân Giang được dư luận xôn xao nhắc tới (1944), thì hai nhà thơ ... cùng nổi danh.

Theo thi sĩ Ngân Giang, trong thời gian bà duy trì một “salon littéraire” (phòng khách văn chương) ở Hà Nội trước 1945, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã đến dự ít nhất một lần. Bà kể lại với nhà văn Hoàng Quốc Hải:

*“Nhớ cuộc tranh luận âm ỉ về Thơ Cổ, Thơ Mới. Các nhà thơ mới lớn tiếng mạt sát thơ luật Đường. Nào ‘gò bó,’ nào ‘trói voi bỏ rọ,’ nào ‘cổ hủ.’ Vũ Hoàng Chương cũng thuộc phái thơ mới nhưng anh giữ thái độ im lặng. Bữa nọ nhân ngồi uống trà trong phòng thơ của tôi, tôi hỏi nhỏ Vũ Hoàng, ‘Ý anh về Thơ Cổ*

thế nào?’ Anh nheo mắt cười rất hóm rỗi bảo, ‘Ngân Giang cứ viết cho thật hay, đừng câu nệ hình thức, nhất là đừng để ý đến chuyện cái cọ vật ấy làm gì. Họ không làm được ‘Đường,’ họ chỉ nấu ‘Kẹo’ thôi nên nói nhảm.’ Theo sự góp ý của Vũ Hoàng Chương, Ngân Giang tiếp tục dùng thể Đường luật để sáng tác. Bà thành công một cách xuất sắc, rồi dần dà được tôn là “Nữ hoàng thơ Đường luật.”

Mấy chục năm sau, 1992, Ngân Giang nhớ đến Vũ Hoàng Chương qua những kỷ niệm và hình ảnh thật đẹp: “Những lúc buồn, tôi và Vũ Hoàng Chương hay đi dạo qua đường Ô Quan Chưởng ra phía bờ sông, để đón bắt cái băng khuâng, để đi tìm thi tứ, tựa như mấy kẻ lang thang trên nẻo đường vô định. Vũ Hoàng Chương đầu ngẩng cao nhìn trời, tư thế hiên ngang như một tráng sĩ. Anh say sưa nói về Thơ, đôi khi nói về thế sự. Anh là người có trí thức sâu rộng, sống độ lượng với mọi người và có nhãn quan thấu thị. Tôi rất phục tài anh, nhất là mảng Thơ Say. Và anh cũng nể tôi vì nhiều lẽ” (2).

Bài thơ của Ngân Giang được Vũ Hoàng Chương đồng cảm và họa lại đầu tiên có lẽ là bài “**Khi gió heo may về**” (thường được gọi một cách vắn tắt là bài “**Mây trắng**”):

*Mây trắng lang thang mãi cuối trời  
Gió chiều heo hút khắp nơi nơi  
Cung đàn biết mấy dây chùng hẳn  
Mái tóc bao nhiêu sợi lạnh rồi.  
Chốn ấy tờ hoa đành lẻ ý  
Mùa này chim nhạn có chung đôi?  
Thương thay trên quãng đường chia ngã  
Thì ngã nào không có lá rơi!*

Theo Vũ Hoàng Chương trong cuốn bút ký Ta Đã Làm Chi Đòi Ta (Sàigòn: NXB Trương Vĩnh Ký, 1974), ông họa lại bài ấy trong thời gian lưu lạc tản cư khoảng 1948-49; nhưng mãi đến 1950, sau khi ông hồi cư về Hà Nội, nhân Ngân Giang đến thăm, Vũ Hoàng Chương mới có dịp đọc cho nữ sĩ nghe bài họa của ông:

*Lửa khóa mây then bốn vách trời,  
Về đâu mộng cũng chẳng đành nơi.  
Vấn chưa ý gửi vào thơ được  
Mà đã dâu toan hóa biển rồi.  
Ngọn gió nghe chùng xoay mãi hướng  
Vàng trắng ai nữ xẻ làm đôi?  
Tin thu lạnh lắm ... rỗng ao cạn,  
Há chỉ phòng thu lệ nấn rơi! (3)*

Trong khi bài thơ của Ngân Giang chứa những cảm xúc cho thân thế thì bài họa của Vũ Hoàng Chương mang thêm tính cách thời thế (dâu toan hóa biển, ngọn gió nghe chùng xoay mãi hướng). Ông ví cảnh tản cư eo hẹp, khó khăn giữa một cuộc chiến tranh, song song với nông nổi người trí thức tiểu tư sản bị ngờ vực, theo dõi, giám sát một cách chặt chẽ bởi những người đang muốn thực hiện một cuộc “cách mạng vô sản,” như rỗng trong ao cạn. Tuy có nhiều điều muốn nói nhưng không thể nói (“Vấn chưa ý gửi vào thơ được”). Sau khi ngôi nhà được thừa hưởng từ song thân ở thành phố Nam Định bị phá với lý do “tiêu thổ kháng chiến,” phải đưa mẹ và vợ long đong đi tản cư trong một cuộc sống bất định với hai bàn tay trắng, Vũ Hoàng Chương đã viết những câu sau trong bài “**Phố giang hồ**.” Ông làm bằng chữ Hán rồi tự dịch:

*Cơ nghiệp buông trôi ở Vị thành  
Ném theo đời loạn kiếp lênh đênh  
Lửa dưng bốn mặt khô xương trắng  
Cúc nở hai lần ướm áo xanh...*

(Trong câu 4, ông nhắc đến ý thơ của Đỗ Phủ: Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ—Khóm cúc hai lần nở, khơi dòng lệ ngày trước). Tâm trạng của Vũ Hoàng Chương khi họa bài “Mây trắng” của Ngân Giang cũng là tâm tư của ông trong một bài thơ khác, bài “*Thu có nguyệt*”:

*Mưa vẩy tằm nẻo từ chân bướm  
Mà gió xoay chiều loạn núi sông.*

Câu 7 trong bài họa của Vũ Hoàng Chương (*Tin thu lạnh lắm ... rỗng ao cạn*) cũng cho ta thấy khi họa bài ấy ông đã chịu ảnh hưởng của thời thế. Câu ấy kín đáo nhắc đến câu 7 trong bài “Thu hứng 4” của Đỗ Phủ:

“Ngư-long tịch mịch thu giang lãn” (Cá rồng vắng lặng, sông thu lạnh lẽo). Trong bài thơ của Đỗ Phủ, câu thơ vừa kể đứng sau những câu cảm khái trước thời cuộc một cách rõ ràng:

Văn đạo Trường An tự dịch kỳ  
Bách niên thế sự bất thăng bi  
Vương hầu đệ trạch giai tân chủ  
Văn vũ y quan dị tích thì ...

mà nhà thơ Bùi Khánh Đản đã dịch là:

Trường An nghe nói rối quân cờ  
Thế sự trăm năm những ngẩn ngơ  
Nhà cửa vương hầu thay chủ mới  
Áo xiêm văn vũ khác thời xưa ...  
... Lạnh lẽo sông thu rồng cá vắng.

Trong bài thơ của Đỗ Phủ, ngư-long còn được ở dưới một dòng sông (thu giang).

Trong bài Vũ Hoàng Chương làm đề họa thơ Ngân Giang, ông chưa chát đời “ngư long” và “sông thu” sang “rồng ao cạn.” Ông cho thấy đó chính là nỗi buồn của ông, chứ không phải chỉ có “lệ nền trong phòng thu” như nỗi buồn của tác giả bài “Mây trắng.”

Ngân Giang cũng có những tâm tư muốn chia sẻ với Vũ Hoàng Chương. Theo nhà thơ họ Vũ, trong một lần đến thăm ít lâu sau, Ngân Giang đem theo hai tấm hình được phóng lớn. Phía sau một tấm chép bài thơ “Mây trắng” với lời đề tặng. Phía sau tấm kia là bốn câu thất ngôn:

Ngày muện nắng soi vàng nhạt nhạt  
Chợ tàn quán đồ bóng xiêu xiêu  
Có con chim én bay trong gió  
Cánh đập bờ vơ bặt mấy chiều.

Rồi đến hai câu lục bát:

Từ khi trở lại kinh thành  
Chiều nay mới thấy rằng mình bơ vơ.

Trong 6 câu thơ, tiếng “bơ vơ” được dùng tới 2 lần. Vũ Hoàng Chương cho biết ông cũng nhận thấy trong mấy lần ngồi đối ẩm, có lúc Ngân Giang làm ra vẻ say quá chén, giọng nói trở nên bi phẫn khác với bình thường. Cũng có lần ông đến đón Ngân Giang ở sở để cùng về nhà ông ăn trưa, thấy nữ sĩ “mặt hoa ủ dột.” (Khi mới hồi cư về Hà Nội, ông bà Vũ Hoàng Chương thuê được một căn phòng trên gác ở phố Hàng Điếu, gần sở làm của Ngân Giang bên bờ hồ Hoàn Kiếm, trong khi nhà của Ngân Giang ở gần trại Trung Phụng, khu Khâm Thiên, xa hơn nhiều. Nếu không tới căn phòng của ông bà Vũ Hoàng Chương để ăn trưa và nghỉ ngơi, “người đẹp công chức” sẽ phải từ sở đạp xe về nhà tận khu Khâm Thiên, rồi lại hối hả đạp xe đến sở làm việc buổi chiều). Mong nỗi buồn của bạn giảm nhẹ phần nào, Vũ Hoàng Chương lấy bút viết rồi đưa Ngân Giang bài thơ sau:

Đôi bờ thăm thẳm giắc Tiêu Tương  
Chợt bóng hoa mai động cách tường.  
Tâm sự đã nhàu trong khói lửa  
Thiên duyên còn ngát ở văn chương.  
Giã say, ta biết sâu kia thực  
Gỡ mộng, người e nghiệp sẵn vương.  
Đừng nói “bơ vơ từ trở lại,”  
Tháp ngà ai khếp với đài gương!

Để Ngân Giang khuây khỏa, Vũ Hoàng Chương đề nghị hai người làm một bài liên ngâm. Ông đọc câu đầu tiên:

Tình đã trần gian mấy thuở rồi.

Ông cho biết Ngân Giang có vẻ tự lự: “Nói cũng sẵn vẫn, nhưng chỉ sợ ý không liền.”

Nữ sĩ đề nghị ông làm luôn bốn câu đầu, bà sẽ lãnh phần bốn câu cuối. Vũ Hoàng Chương đồng ý và đọc:

Tình đã trần gian mấy thuở rồi  
Hồn thơ chung một hướng về ngôi

*Bước chân Bắc đẩu vàng toan dạo  
Khóe mắt Thiên hà bạc muốn trôi.*

Trong cách nói vui giữa hai người bạn, “bước chân Bắc đẩu” chỉ Vũ Hoàng Chương. Ông từng được bè bạn coi là “Thái sơn, Bắc đẩu” trong làng thơ Hà Nội lúc ấy. “Thiên hà” để chỉ Ngân Giang. Bút hiệu của bà là “dòng sông bạc,” gọi ta nghĩ đến sông Ngân ở trên trời. Trong “*Khóe mắt Thiên hà bạc muốn trôi*,” Vũ Hoàng Chương muốn nói đùa: Với ánh mắt của Ngân Giang, kim khí như bạc cũng phải chảy ra. “*Vàng toan dạo*” có lẽ ám chỉ chuyện Vũ Hoàng Chương coi nhẹ, thờ ơ với chuyện tiền bạc. Cũng trong **Ta Đã Làm Chi Đòi Ta**, ông cho biết khi đến thăm Ngân Giang lần đầu sau khi về lại Hà Nội năm 1950, Ngân Giang (hồi cư về trước một năm từ 1949, đang là một công chức tại sở Thông tin Hà Nội) muốn đưa tặng Vũ Hoàng Chương một số tiền nhỏ nhưng ông đã từ chối. Ý ấy còn được ông nhắc tới trong hai câu khác viết ra ít lâu sau.

Trở lại với việc liên ngâm, Ngân Giang đọc hai câu kế tiếp:

*Thuyền buộc quê xưa, lòng họ Đỗ  
Hoa cười năm ngoái, hận chàng Thôi.*

Vũ Hoàng Chương reo lên, khen ý thơ súc tích: Câu trên nhắc ý Đỗ Phủ, “*Cô chu nhất hệ cố viên tâm—Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*”; câu dưới nhắc ý Thôi Hộ, “*Đào hoa y cựu tiếu đông phong—Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*”. Nhưng ông tỏ ra không đồng ý và đưa lý do: Đối diện nhau lúc ấy chỉ có hai người, Ngân Giang và ông. Ngân Giang họ Đỗ (Đỗ Thị Quế). Mấy chữ “*lòng họ Đỗ*” có thể hiểu là để chỉ Ngân Giang, vậy mấy chữ “*hận chàng Thôi*” có thể suy diễn là để chỉ ông. Vũ Hoàng Chương không chịu nhận mình là Thôi Hộ, không chịu “*hận*,” không chịu “*thôi*.” Ông đề nghị Ngân Giang đổi lời để câu thơ thành ra “*nàng Thôi*” (Thôi Oanh Oanh trong “*Tây Sương Ký*”). Tới đây bà Thục Oanh đi mua hoa quả trở về, hai “*thi nhân*” ngừng chuyện tranh luận, liên ngâm, và bài thơ bị bỏ dở.

**Băng đi mấy tháng Ngân Giang không lui tới**, rồi Vũ Hoàng Chương được tin Ngân Giang lại bước lên xe hoa. Ông không ngạc nhiên vì biết nữ sĩ đã không được như ý với cuộc hôn nhân trước đó. Ít hôm sau ông tới sở làm, trao tặng một bài thơ khác. Bài này cũng chỉ có 6 câu, trong đó câu nào cũng giữ lại mấy chữ của bài thơ bị bỏ dở bữa trước:

*Tình lại trần gian nữa đó sao?  
Hồn thơ lẻ hướng xót ngôi cao!  
Bước chân Bắc đẩu vàng chưa động  
Khóe mắt Thiên hà bạc sớm trao.  
Thuyền buộc quê xưa, dòng lệ cũ  
Mây in trắng mới, giấc mơ nào? (4)*

Nhưng Ngân Giang không hồi âm. Qua năm sau, 1951, Vũ Hoàng Chương cũng đổi địa chỉ về khu Sinh Từ, không ở gần sở làm của bà nữa.

Hơn hai năm sau, cuối Hè năm 1953, Vũ Hoàng Chương cho biết lại nhận được thư của Ngân Giang, mời họp bạn ngâm vịnh tại một địa chỉ mới, đường Phủ Doãn. Lúc chia tay, nữ sĩ có vẻ cởi mở, “*Bây giờ Ngân Giang ngâm vịnh được rồi. Tương đối tự do hơn năm ngoái*.” Tuy nhiên khi Vũ Hoàng Chương hỏi, “*Dạo này Ngân Giang có sáng tác gì đặc ý không?*” bà đã trả lời, “*Chuyện đời phiền lắm, có giản dị như Hoàng tưởng đâu! Ngân Giang mỗi ngày một thấy buồn hơn trước. Và một quầng nào đó trong dĩ vãng cứ ám ảnh Ngân Giang, lôi kéo trở về*.” Theo Vũ Hoàng Chương, khi ông hỏi, “*Quầng nào trong dĩ vãng?*” Ngân Giang không trả lời thẳng vào câu hỏi, chỉ cất giọng ngâm:

*Sau trước nghìn thu một Quế Anh  
Hòa Phiên từng đã xót phân tranh  
Ngựa Hồ tiếng thét mười phương gió*

Rồi lặng im. Vũ Hoàng Chương hiểu Ngân Giang muốn mình tiếp ý bài thơ, nhất là đối lại câu thứ 3, nên đã lên tiếng: “*Hồ thì đối với Hán; gió thì gọi ra trăng. Ở địa vị Hoàng là tác giả, câu 4 sẽ như sau:*

*Cung Hán màu trắng vạm dậm thành.  
Có đúng với tâm sự Minh phi đòi nay không?”*

Theo Vũ Hoàng Chương trong **Ta Đã Làm Chi Đòi Ta**, Ngân Giang trầm tư một lúc rồi nói:

“Nếu vậy câu 5 và câu 6 phải đặt:

*Chí dẫu côn bằng, e hẹp biển  
Lòng còn sượng khói, ngại tan canh.”*

Vũ Hoàng Chương tán thưởng. Sau khi ngâm một câu thơ đùa cợt, ông đọc tiếp câu 7:

*Làm mây ả Nhận chiều heo hút.*

Ông cũng nói thêm rằng ông đã dùng lại những chữ “mây” và “heo hút,” vốn là chữ Ngân Giang đã dùng trong bài “Mây trắng”:

*Mây trắng lang thang mãi cuối trời  
Gió chiều heo hút khắp nơi nơi.*

Vũ Hoàng Chương cho biết khi ông vừa ngâm xong, Ngân Giang đã làm được câu 8 để kết thúc:

*Rồi cũng lang thang kiếp độc hành.*

Nhà thơ họ Vũ nhận xét:

- Lần đầu tiên hai người làm xong một bài liên ngâm trọn vẹn với đủ 8 câu. Chỉ tiếc hai chữ cuối là “độc hành,” buồn quá! Ta cũng nhận thấy tuy do hai người làm, ý tưởng toàn bài rất chặt chẽ, liền mạch.

Xin chép lại bài liên ngâm do Ngân Giang và Vũ Hoàng Chương cùng làm ở Hà Nội cuối Hè năm 1953 để nói lên tâm sự của Ngân Giang lúc đó. Vì bài thơ nói về mình, nữ sĩ giữ vai tác giả chính. Bà làm 3 câu đầu, hai câu 5-6, và câu kết. Vũ Hoàng Chương chỉ đóng góp câu 4 (đổi lại) và câu 7 (chuyển mạch). Thơ của Ngân Giang được chép theo kiểu chữ nghiêng, thơ Vũ Hoàng Chương, kiểu chữ đứng (in đậm):

*Sau trước nghìn thu một Quế Anh  
Hòa Phiên từng đã xót phân tranh  
Ngựa Hồ tiếng thét mười phương gió  
Cung Hán màu trắng vạn dặm thành. (4)*  
*Chí dẫu côn bằng e hẹp biển  
Lòng còn sượng khói ngại tan canh.  
Làm mây ả Nhận chiều heo hút (7)*  
*Rồi cũng lang thang kiếp độc hành*

Bài thơ này khá quan trọng, nói lên tâm tư của Ngân Giang khoảng năm 1953, rất đáng để chúng ta đọc lại kỹ hơn.

Một số hành động mang ý nghĩa “chính trị, cách mạng” của Ngân Giang hồi trẻ tuổi, căn bản là những giai thoại truyền miệng, có những chỗ không phù hợp với nhau, xin tạm chưa nói đến. Theo một nhà biên khảo nghiêm túc, có tình thân với nữ sĩ là nhà văn Hoàng Quốc Hải, thì ***Ngân Giang tham gia liên lạc cho Đoàn Thanh niên Cộng sản từ đầu năm 1944***. Đầu năm 1945, bà bị Hiến binh Nhật bắt, giam tại nhà tù Hỏa Lò. Khi Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội tháng 8 năm 1945, bà hoạt động trong Đội Phụ nữ thành Hoàng Diệu (thành phố Hà Nội). Sau khi họ nắm được chính quyền, bà chuyển sang công tác lễ tân tại phòng khách sảnh của chính phủ lâm thời. Một số việc làm công khai, được nhiều người biết: Tháng 9 năm 1945, bà đóng góp rất đáng kể cho Tuần lễ Vàng. Đầu năm 1946, bà làm bài thơ “*Kính dâng các bậc anh hùng dân tộc*,” mở đầu bằng hai câu:

*Ta say uy vũ Trần Hưng Đạo  
Ta say sự nghiệp Hồ Chí Minh ...*

rồi thêu trên một tấm vóc đại hồng, gửi biếu ông Hồ. Vị Chủ tịch chính phủ CS gửi lời cảm ơn bà qua hai câu:

*Mấy lời cảm tạ Ngân Giang  
Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.*

Giữa năm 1946 bà lên Bắc Giang, gom mua được 30 tấn gạo, chất đầy hai toa tàu hỏa chở về ga Hàng Cỏ, Hà Nội, trao lại cho viên sĩ quan đại diện một đơn vị bộ đội. Lúc ấy chồng bà là một dược sĩ cao cấp, có phòng bào chế thuốc, cuộc sống rất sung túc. Ngân Giang được coi là một người tận tâm giúp chế độ.

Khi chiến tranh nổ ra ở Hà Nội tháng 12 năm 1946, Ngân Giang theo cơ quan lên chiến khu Việt Bắc. Đầu

năm 1949, do rừng thiêng nước độc và cuộc sống thiếu thốn, các con bà bị đau yếu không có đủ thuốc men, trong lúc bà có thai người con thứ ba. Chính phủ VM đồng ý để bà đưa các con hồi cư về Hà Nội. Về tới nơi, bà bị hết cảnh sát tới hiến binh bắt khai báo về tình hình Việt Minh ở khu vực kháng chiến. Quan trọng nhất là câu hỏi, “*Bà được họ giao nhiệm vụ gì khi về thành?*” Trong hoàn cảnh bị nghi ngờ một cách hữu lý và nguy hiểm như thế, bà được cho biết, “*Ông Đồng lý Văn phòng phủ Thủ hiến Bắc Việt của chính phủ Quốc gia thông cảm hoàn cảnh mẹ con bà, có thể bảo lãnh để bà và các con sống tự do, với điều kiện bà nhận lời làm vợ ông.*” Mấy hôm sau, khi ông Đồng lý xuất hiện với những cận vệ y phục sang trọng, ăn nói lễ độ, cử chỉ lịch sự, bà thấy ông ta có dáng vẻ trí thức, ngôn từ nhã nhặn, lịch thiệp. Nhất là sau khi ông ta hứa sẽ coi các con bà như con của ông, nữ sĩ đành “nhắm mắt đưa chân.” Thay cho lựa chọn ấy là các con bà phải đưa vào trại mồ côi, bản thân bà vào nhà giam. Không ai có thể phủ nhận sự việc bà đã từng “**tích cực hoạt động giúp CS.**”

Vài tháng sau, tổ chức bí mật của VM ở Hà Nội tìm cách liên lạc với Ngân Giang. Qua năm 1950, họ giao cho bà công tác ám sát một viên tướng trong quân đội viễn chinh Pháp nhân dịp Quốc khánh Pháp ngày 14 tháng 7. Bà được đưa ra ngoại thành, thực tập bắn một loại súng hãm thanh. Bà được huấn luyện để có thể bắn bằng cả hai tay. Việc đó về sau không thi hành nữa, do quyết định của “cấp trên.” Trong thời gian ở Hà Nội, tuy làm việc cho sở Thông tin của chính phủ Quốc gia, Ngân Giang vẫn “**hướng về chiến khu**” (6):

*Chan hòa nước mắt bước vào thành  
Ngoảnh lại xa mờ dãy núi xanh  
Xót phận đau buồn qua một kiếp  
Nhớ rừng thao thức suốt năm canh.*

Và:

*Gác hẹp mơ màng tin quốc sự,  
Ngày về mãi mãi nhớ lời nhau.*

Chính vì thế, trong bài liên ngâm cùng làm với Vũ Hoàng Chương tại căn nhà ở đường Phủ Doãn năm 1953, Ngân Giang muốn nói rằng bà và Vương Chiêu Quân, một trong “tứ đại mỹ nhân” của Trung Hoa từ ngàn xưa, phải đem thân cống Hồ để hai nước yên việc can qua, chỉ là một người:

*Sau trước nghìn thu một Quế Anh  
Hòa Phiên từng đã xót phân tranh.*

Ngân Giang cũng có một số điểm giống Vương Chiêu Quân: nhan sắc, đa tài (nhất là tài gảy đàn), và gặp nghịch cảnh. Sau khi nghe xong ba câu thơ đầu do bà đọc phía trên, Vũ Hoàng Chương cũng đã gọi bà là “Minh phi đời nay” (“Minh phi” là một trong những biệt danh của Vương Chiêu Quân).

Với Ngân Giang lúc đó, trước hiện cảnh chỉ được nghe tiếng ngựa Hồ hí, thét gió mười phương, còn “màu trắng cung Hán” đã bị cách ngăn rất xa bởi một bức thành vạn dặm:

*Ngựa Hồ tiếng thét mười phương gió  
Cung Hán màu trắng vạn dặm thành.*

Tuy làm việc và ăn lương của chính phủ Quốc gia (công chức sở Thông tin Hà Nội), nữ sĩ vẫn coi Hà Nội là “đất Hồ,” chiến khu trên rừng mới là “cung Hán.” Bị ép duyên, sống một cách trái ý (người chồng mới luôn luôn muốn theo dõi hành động của bà), đôi lúc bà muốn bứt phá để có thể tự do làm những việc hơn người bình thường, như cá con, chim bằng vượt vạn dặm sang biển Nam trong Nam Hoa Kinh, nhưng cũng tự thấy hoàn cảnh lúc ấy chưa đủ để có thể bay nhảy như ý muốn:

*Chí dẫu con bằng e hẹp biển.*

Lý do của việc ngần ngại có vẻ là Ngân Giang cũng cảm thấy nếu làm như thế, không biết tương lai, nhất là tương lai của các con, sẽ ra sao:

*Lòng còn sượng khói ngại tan canh.*

Chính vì thế, bà buồn và cô đơn:

*Làm mây ải Nhạn chiều heo hút  
Rời cũng rời cũng lang thang kiếp độc hành.*

Chúng ta hiểu tại sao khi đất nước chia đôi năm 1954, trong khi Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, cùng bao trí thức, văn nghệ sĩ của Hà Nội đầu thập niên 1950 như Nguyễn Đăng Thục, Nghiêm Toản, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Vi Huyền Đắc, Bàng Bá Lân, Đỗ Đức Thu, Đỗ Thúc Vịnh, TchyA Đái Đức Tuấn,

Tam Lang Vũ Đình Chí, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Triều Đầu, Tạ Ty ..., hay những trí thức, văn nghệ sĩ trẻ hơn như Trần Trọng San, Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Nhật Tiến ...) lánh vào miền Nam, Ngân Giang vui vẻ ở lại, chờ những người chiến thắng trở về. Cũng có thể nói là bà mong họ trở về, tin rằng bà đã từng có công với họ.

Những người vào Nam vẫn theo dõi tin tức về thân nhân còn ở quê nhà. Hàng ngày trên nhật báo Tự Do ở Sài Gòn, với nhà thơ Đinh Hùng là một trong năm sáng lập viên, vẫn có mục "Tin miền Bắc." Qua Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương được biết sau khi những người CS tiếp thu Hà Nội, ***nữ sĩ Ngân Giang bị họ coi là "có vấn đề."*** Bà bị phê phán là sau khi về thành, đã "*lấy con của viên Tuần phủ Hà Đông,*" không "*kiên định lập trường giai cấp.*" Với vốn hiểu biết và chút kinh nghiệm sống dưới chính thể CS, Vũ Hoàng Chương rất lo cho Ngân Giang. Đó là lý do đầu năm 1955, ông nhờ người đem về Hà Nội bài thơ đã nói đến ở trên:

*Nổi trôi  
Đặt bút cùng ngâm khúc bể dâu  
Nổi trôi từ đây xót cho nhau.  
Một phen nhật nguyệt tranh ngôi Sáng  
Hai ngã lòng thu dựng tháp Sầu.  
Tinh cũng hoài thôi, say chẳng nở  
Xuân sang đó nhỉ, mộng về đâu?  
Rằng hư, rằng thực, lời tâm huyết  
Non vẫn cao hê, nước vẫn sâu!*

Câu đầu của bài thơ và hai chữ "nổi trôi" ở đầu câu 2 là chữ của Ngân Giang. Để tỏ niềm quý trọng Ngân Giang, Vũ Hoàng Chương hay đem những chữ bà dùng vào các bài liên ngâm hay những bài làm ra để gửi cho bà, như trường hợp câu "*Làm mây ái Nhật chiều heo hút*" đã nhắc đến ở trên. Trong bài thơ "Mười bài tâm sự," gồm mười bài Đường luật viết theo thể liên hoàn, sáng tác năm 1944, Ngân Giang có hai câu:

*Trông nhau sẽ ngộ lời tâm huyết  
Đặt bút cùng ngâm khúc nổi trôi.*

Vũ Hoàng Chương đem trọn vẹn câu sau để mở đầu cho bài thơ của mình: Đặt bút cùng ngâm khúc bể dâu. Ông chỉ thêm hai chữ "bể dâu." Đó là những chữ được lấy từ bài thơ ông đã làm để họa bài "Mây trắng" của Ngân Giang được nhắc tới ở trên:

*Mà đã dâu toan hóa biển rồi.*

Hai chữ "nổi trôi" của Ngân Giang được ông đưa lên làm nhan đề cho toàn bài thơ. Ông cũng dùng chúng làm chữ đứng đầu cho câu 2 trong bài thơ của ông:

*Nổi trôi từ đây xót cho nhau.*

Ông linh cảm trước những gian nan sẽ xảy đến cho Ngân Giang, nhưng cũng tự biết mình không làm được điều gì, và rất buồn trước hoàn cảnh bất lực ấy.

Những chữ kín đáo và cô đọng nhất trong bài thơ là "***nhật nguyệt tranh ngôi Sáng.***" Chúng ta cùng hiểu mặt trời và mặt trăng là những thiên thể lớn, ở rất xa, ngoài phạm vi địa cầu, nhưng có thể chi phối đời sống của con người trên trái đất. Vũ Hoàng Chương dùng lối nói tượng trưng. Trong hoàn cảnh Việt Nam năm 1954-55, ông mượn "nhật" và "nguyệt" để chỉ hai thế lực mạnh nhất trên thế giới lúc đó (hai khối Tư bản và Cộng sản) đang tranh nhau ảnh hưởng trên đất nước Việt Nam, chi phối nếp suy nghĩ cùng hành động của rất nhiều người Việt, gây tình trạng sông ngăn núi cắt và đưa đến những hậu quả đáng buồn:

*Một phen nhật nguyệt tranh ngôi Sáng  
Hai ngã lòng thu dựng tháp Sầu.*

Ở cả hai phía, những cá nhân nhỏ bé như Ngân Giang và ông chất chứa đau buồn thành những "tháp Sầu" (cao như ngọn tháp). Nếu không vì những chuyện "ý thức hệ," "lập trường," "giai cấp đấu tranh," "đào tận gốc, tróc tận rễ" ... Vũ Hoàng Chương đã không phải bỏ quê hương ra đi, Ngân Giang không bị buộc tội là "mất lập trường."

Nhân Ngân Giang giỏi chữ Hán, Vũ Hoàng Chương đã đưa chữ Hán vào bài thơ:

- Trong câu trên, chữ Nhật 日 để cạnh chữ Nguyệt 月 thành chữ Minh 明, là sáng.
- Trong câu dưới, chữ Thu 秋 để trên chữ Tâm 心 thành chữ Sầu 愁, là buồn.

Câu 5 nói tâm trạng của Vũ Hoàng Chương: Tình cũng vô ích, không làm được gì cả, nhưng Say (không biết, không quan tâm gì nữa) thì không đành lòng:

*Tình cũng hoài thôi, say chẳng nữa*

Trong câu 6, ông băn khoăn nghĩ đến Ngân Giang:

*Xuân sang đó nhỉ, mộng về đâu?*

Trong hai câu kết, Vũ Hoàng Chương muốn nói: Tin Ngân Giang sắp bị khó khăn với những người cầm quyền, không rõ có đúng hay không, nhưng những lời ông gửi nữ sĩ là lời tâm huyết. Khi người ta quan tâm đến nhau thì sông ngăn, núi cách không đáng kể gì nữa (tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng vượt qua). Nhưng ở trường hợp Ngân Giang và ông năm 1955 thì “non” quả là cao, “sông” quả là sâu. Vũ Hoàng Chương đau lòng vì không thể làm gì:

*Rằng hư, rằng thực, lời tâm huyết*

*Non vẫn cao hể, nước vẫn sâu!*

Quả là một bài thơ chí tình với những lời thật thấm thía.

Ở ngoài Bắc, Ngân Giang cũng chưa đến nỗi cực khổ ngay. Sau khi chính thể mới tiếp thu Hà Nội cuối năm 1954, nữ sĩ vẫn được “lưu dụng,” làm ở Sở Thông tin, đổi thành sở Văn hóa Thông tin, trong những năm 1955, 1956. Qua 1957, **Ngân Giang mới bị đuổi việc**, nói một cách hoa mỹ là “đặt ra ngoài biên chế.” Lúc ấy nữ sĩ đã 41 tuổi, phải nuôi **9 người con với 3 đời chồng khác nhau**. Hai người trước không còn sống chung, người thứ ba ly dị năm 1959.

Theo một bài viết của nhà báo Lê Thọ Bình trên báo Dân Trí, nữ sĩ nhớ lại: “*Ra khỏi biên chế nhà nước thời bấy giờ là chuyện kinh khủng. Đi đâu, làm gì để nuôi sống bản thân và gần chục đứa con đây?*” Tuyệt vọng đến cùng cực, “chết không được đành phải sống.” Ngày ngày nữ sĩ ra bãi sông Hồng quét lá khô để bán, tối về đi rửa bát, chai lọ thuê. Làm quần quật cũng chỉ đủ tiền mua gạo nấu cháo cho 10 mẹ con. Tiến sĩ Nguyễn Phan Cảnh, người nghĩa đệ thân thiết của nữ sĩ, hé cho chúng ta đọc những câu thơ như:

*Còn một củ khoai lại bị hà*

*Gạo thời không có, cháo đâu ra? (7)*

Người từng mua 30 tấn gạo, chất đầy hai toa xe lửa để ủng hộ bộ đội năm 1946, từ 1957 trở đi, nhiều bữa không kiếm nổi đủ gạo để nấu cháo cho các con ăn. Cuộc sống bằng nghề quét lá ấy kéo dài tới 10 năm, đưa đến kết quả:

*Hình hài để lại cái còng trên lưng.*

Khi không còn đủ sức quét lá, rửa bát và chai lọ thuê nữa, nữ sĩ cố gắng mở được một quán bán nước nghèo nàn:

*Còm côi bên sông tóc úa dần*

*Tay nâng chén nước lệ đầy khăn.*

Bên cạnh nỗi khổ về vật chất là nỗi khổ về tinh thần. Theo nhà văn Phạm Hồ Thu, tuy có chân trong Hội Nhà Văn, nữ sĩ không được mời tham dự các sinh hoạt của Hội nữa. **Các báo cũng không được đăng thơ của Ngân Giang, không nhắc đến Ngân Giang.** Theo nhà biên khảo Hoàng Quốc Hải, sau khi nhà thơ Đông Hồ ở trong Nam đem bài “Trung nữ vương” ra bình giảng ở Đại học Văn khoa Sài Gòn rồi xúc động quy tiên, tin về đến Hà Nội, có những người đọc miệng nói “*Ngân Giang bịa chuyện ra để tự đánh bóng mình.*” (8) Nữ sĩ sống âm thầm và cực khổ như thế **hơn 30 năm**, mãi đến năm 1988, ở tuổi 72, mấy người bạn và em tinh thần mới tổ chức được một buổi họp mặt bình thơ để mừng tuổi thọ. Từ đó một số thơ của Ngân Giang được in lại và tác giả có phần dễ thở hơn cho đến khi **nhắm mắt năm 2002 ở tuổi 86**. Tuy thế, nữ sĩ vẫn rất buồn. Khi ký thơ tặng thân hữu, bà thường viết thêm những câu đầy vẻ ngậm ngùi và bi quan như:

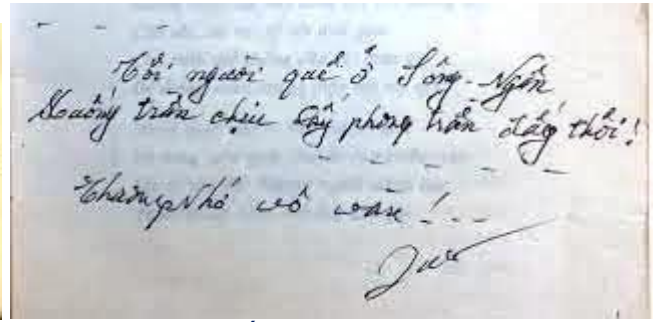
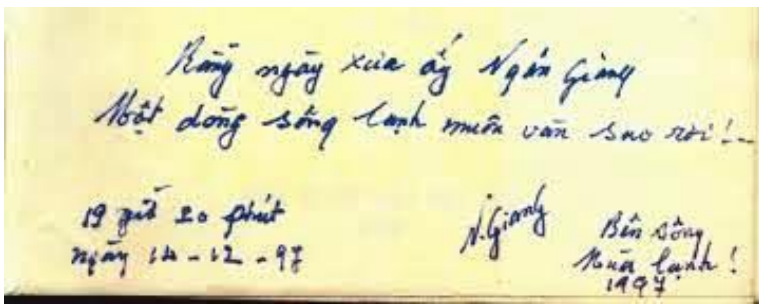
*Tôi người quê ở Sông Ngân*

*Xuống trần chịu lấy phong trần đầy thôi!*

Hoặc:

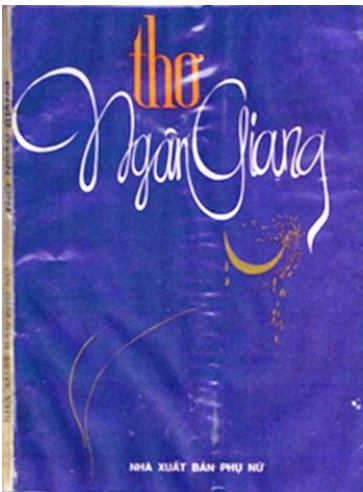
*Rằng ngày xưa ấy Ngân Giang*

*Một dòng sông lạnh muôn vàn sao rơi!*



Thủ bút của nữ sĩ Ngân Giang trong những năm cuối đời

Bìa tập Thơ Ngân Giang do nhà xuất bản Phụ Nữ ấn hành năm 1994 trình bày những ngôi sao rớt xuống từ trời cao, biến dạng thành những giọt nước mắt.



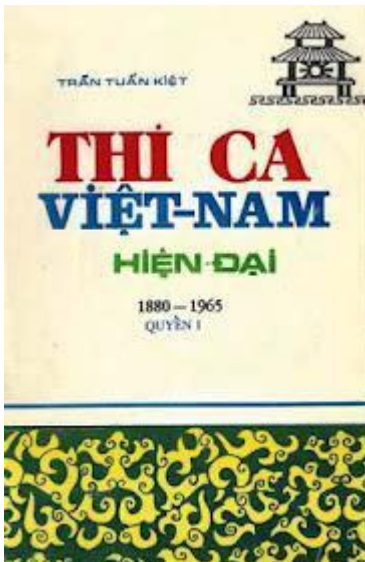
Bìa tập thơ Ngân Giang  
(Hà Nội: NXB Phụ Nữ, 1994)

Ở trong Nam, hình như thi sĩ Vũ Hoàng Chương linh cảm được những điều ấy từ cuối năm Giáp Ngọ 1954 khi ông hạ bút viết câu:

*Nổi trôi từ đây xót cho nhau.*

Có một chuyện nghịch lý là trong khi Ngân Giang bị đối xử một cách tàn nhẫn như thế ở ngoài Bắc thì thơ của Ngân Giang vẫn được phổ biến ở trong Nam, cũng như thơ của Quang Dũng, Hữu Loan, Hoàng Cầm, cùng thơ từ 1945 trở về trước của Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, và các nhà thơ tiền chiến khác. Không ai ngạc nhiên khi được biết thi sĩ Đông Hồ đem thơ Ngân Giang ra bình giảng ở Đại học Văn khoa Sài Gòn. Mọi người chỉ xúc động sau khi được tin nhà thơ lão thành đột tử. Trong tuyển tập Thi Ca Việt Nam Hiện Đại do Trần Tuấn Kiệt sưu tập (Sài Gòn, 1965), 8 đề thơ với 19 bài Đường luật bát cú của Ngân

Giang được giới thiệu một cách rất trang trọng trong 10 trang, từ trang 293 đến hết trang 302.



Tuyentap-Hiendai

Tuyển tập thơ Việt Nam với 19 bài Đường luật của Ngân Giang được in ở Sài Gòn năm 1965 Cuối năm 1976, khi tin thi sĩ Vũ Hoàng Chương tạ thế đưa về đến Hà Nội, nữ sĩ Ngân Giang cực kỳ xúc động. Trong chiều hướng viết về tình bạn của hai nhà thơ tri kỷ cùng có chân tài, xin được giới thiệu bài thơ Ngân Giang khóc Vũ Hoàng Chương. Các bản trên Net có vài chỗ khác nhau. Người viết may mắn nhận được một bản in từ một nhà biên khảo có thẩm quyền, vị nghĩa đệ thân thiết của nữ sĩ, là Tiến sĩ Nguyễn Phan Cảnh. Bản này được in ở trang 350 trong tập Thơ Ngân Giang do Ts. Cảnh thực hiện năm 1996 để mừng thọ nhân nữ sĩ 80 tuổi. Lời thơ trong bản ấy cũng giống lời thơ trong bản do NXB Phụ Nữ in năm 1994:

*Ớ Vũ Hoàng ơi! Ớ Vũ Hoàng  
Mười hai tháng sáu lạnh màu tang!  
Mây không lãng đãng theo chân ngựa  
Say để bâng khuâng ngã giữa đường!  
Một áng bạch vân dài nẻo nhớ,  
Bài ca dị hỏa khóc người thương.  
Mà dòng Dịch thủy trôi trôi mãi  
Rẽ lối hoa lê trắng dặm trường. (9)*

(Ts. Nguyễn Phan Cảnh cho biết theo nữ sĩ Ngân Giang, thi sĩ Vũ Hoàng Chương rất thích câu “Trở gối hoa lê rụng trắng thêm,” câu thơ chót của bài “Nghe hát” trong tập Thơ Say. Đó là lý do nữ sĩ đưa “hoa lê trắng” vào

bài bà làm để “Khóc Vũ Hoàng”).

Trừ những chữ in đậm là tên hoặc chữ dùng quan trọng trong các tác phẩm của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, ý tưởng trong bài này giản dị, rõ ràng, thiết nghĩ việc giải thích không cần thiết.

Từ Mai Trần Huy Bích  
(Đặc San Lâm Viên)

**Ghi chú:**

- Hoàng Quốc Hải, “Gặp bà Thục Oanh – nhớ thi tài Vũ Hoàng Chương,” trong Kể Sĩ Trước Thời Cuộc (Hà Nội : NXB Phụ Nữ, 2014). Cũng có thể đọc trên Net tại các đường dẫn:  
<http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c191/n4128/Gap-ba-Thuc-Oanh-nho-thi-tai-Vu-Hoang-Chuong.html>  
<https://dutule.com/a7339/hoang-quoc-hai-gap-ba-thuc-oanh-nho-thi-tai-vu-hoang-chuong>
- Hoàng Quốc Hải, “Bên đình trầm, phiếm đàm với Ngân Giang nữ sĩ,” trong Kể Sĩ Trước Thời Cuộc (đã dẫn). Cũng được in trong Thế Kỷ 21 (Westminster, CA), số 213-214 (Tháng 1 & 2-2007), trang 43, 45.
- Vũ Hoàng Chương, Ta Đã Làm Chi Đòi Ta (Sàigòn: NXB Trương Vĩnh Ký, 1974), trang 146-47).
- Vũ Hoàng Chương, Sách đã dẫn, trang 148-151.
- Vũ Hoàng Chương, Sách đã dẫn, trang 157-158.
- Hoàng Quốc Hải, “Trăm năm nữ sĩ Ngân Giang” (Kỷ niệm 100 năm ngày sinh nữ sĩ Ngân Giang), Láng Thượng, 14.4.2016:  
<http://tapchisonghuong.com.vn/hue/p0/c107/n20654/13-nam-ngay-mat-cua-nu-si-Ngan-Giang-17-8-2002-17-8-2015-Tai-tinh-chi-lam-cho-troi-dat-ghen.html>  
<http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/tram-nam-nu-si-ngan-giang.html>
- Nguyễn Phan Cảnh, Dự Báo Bùng Nổ Thi Ca (Toronto, Ont: La Giang Pub., 2007), trang 349.
- Hoàng Quốc Hải, Tài liệu đã dẫn. Chi tiết về chuyện thi sĩ Đông Hồ đột tử trưa ngày 25 tháng 3 năm 1969 tại giảng đường trường Đại học Văn khoa Sàigòn sau khi ngâm xong câu áp chót bài “Trưng Nữ vương” của nữ sĩ Ngân Giang, đã được một sinh viên có mặt trong lớp thuật lại khá tường tận. Xin xem: Lê Trung Hoa, “Những ngày cuối cùng của thi sĩ Đông Hồ,” tạp chí Bách Khoa số 296 (ngày 1 tháng 5 năm 1969), trang 27-32.
- Nguyễn Phan Cảnh, Sách đã dẫn, trang 364. Thơ Ngân Giang (Hà Nội: NXB Phụ Nữ, 1994), trang 52.